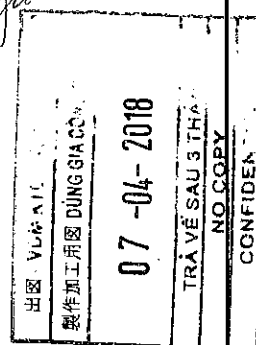
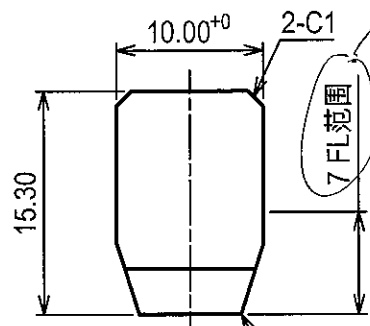


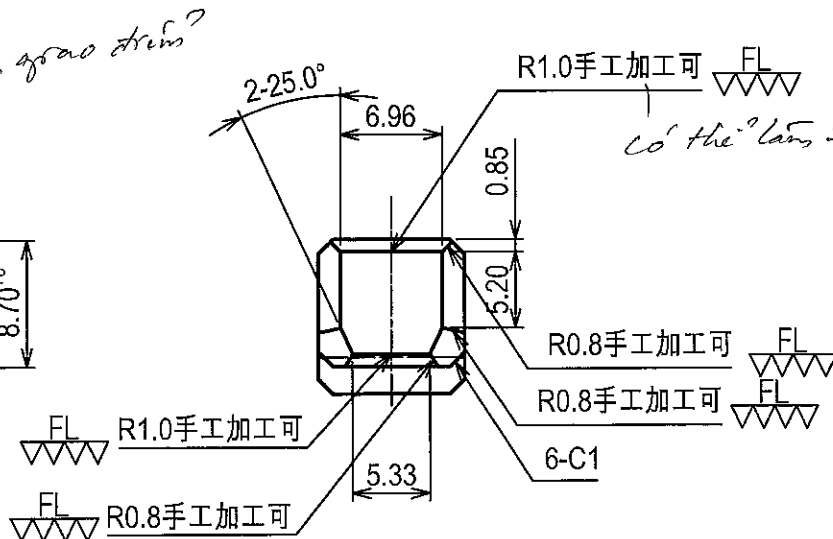
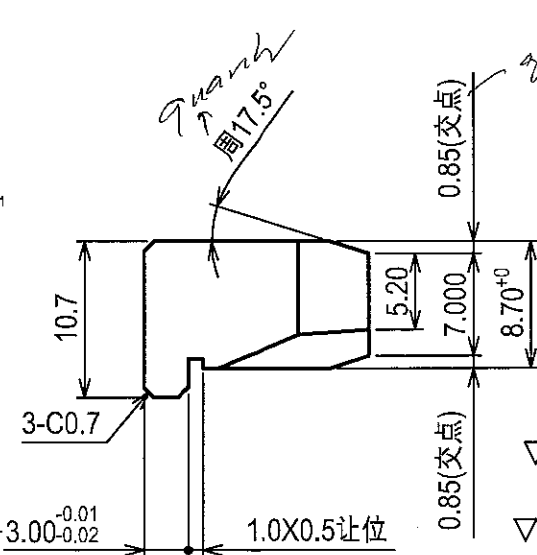
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2015/02/06	新规设计				0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

213. 804.032A
OSP

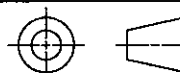
TOLERANCES NOT
OTHERWISE SPECIFIED
FINISH MARKS
G FL
▽▽▽ (▽▽▽)



不可倒角 — 60 men



T13 x 25 x 20

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Zeng_Zhao_Xiang	Zhang_Guang_Wu	部品図		パンチ	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		PUNCH	
HRC 60 ° ~ 62 °		部品図		沖頭	
		部品図		冲头	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
SKD11	2015/02/06	2:1		S947000	

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO:	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<div>1.VẬT LIỆU:</div> <div>2.THỜI GIAN GIA CÔNG</div>	